

Bản án: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 4 - 2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Thiện.
- Ông Nguyễn Lâm Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Vân Lý, thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hải Yến, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXX-ST ngày 14 tháng 03 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn X, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

- Bị đơn: Anh Y B M Lô, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn X, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án chị Vũ Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Y B M Lô ngày 18/9/2015, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh căng thẳng từ đầu tháng 10/2022, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, trong làm ăn kinh tế gia đình, vợ chồng sống ly thân từ cuối tháng 10/2022, anh Y B M Lô đã bỏ nhà vào thành phố Hồ Chí Minh nhưng không rõ địa chỉ nào. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Y B M Lô được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Thành Đ, sinh ngày 23/12/2015 hiện con chung đang ở cùng chị. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng chung, cháu Đ cũng đề nghị giao cho chị nuôi dưỡng, chị

xác định đủ điều kiện nuôi con ăn học đầy đủ, không yêu cầu anh Y B M Lô phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Y B M Lô như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tại các buổi làm việc cũng như quá trình giải quyết vụ án anh Y B M Lô không đến Tòa án làm việc và không cung cấp lời khai thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/3/2025 cháu Vũ Thành Đ trình bày: Cháu là con của bố Y Bum M Lô và mẹ Vũ Thị T, hiện tại cháu đang học lớp 3C trường Trường tiểu học C và ở với mẹ. Cháu không biết bố cháu đi đâu từ đầu năm 2024 không về chung sống cùng mẹ con cháu, nay bố mẹ ly hôn các cháu đề nghị được ở với mẹ, sẽ đảm bảo cho việc học tập và chăm sóc.

Qua xác minh đại diện chính quyền địa phương thôn X, UBND xã C và Công an xã C xác định: Anh Y B M Lô, sinh năm 1988, có địa chỉ thường trú tại thôn X, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang, vợ là Vũ Thị T, sinh năm 1986, con là Vũ Thành Đ sinh ngày 23/12/2015. Hiện anh Y B M Lô làm gì ở đâu địa phương không xác định được.

Tại phiên tòa chị Vũ Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Y B M Lô được ly hôn. Đề nghị được nuôi dưỡng con chung, về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và tài sản, công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn chị Vũ Thị T thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; bị đơn anh Y B M Lô không chấp hành theo đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị T và anh Y B M Lô được ly hôn.

Về con chung: Giao chị Vũ Thị T nuôi dưỡng con chung là Vũ Thành Đ, sinh ngày 23/12/2015, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Y B M Lô có quyền thăm nom con sau ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của anh Y B M Lô.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị T được miễn án phí ly hôn, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Y B M Lô hiện cư trú tại xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

[3] Xác định quan hệ pháp luật: Nguyên đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Vũ Thị T và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Chị Vũ Thị T kết hôn với anh Y B M Lô ngày 10/9/2015, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc hiện đã có một con chung, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh tháng 10/2024 do bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, do vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Y B M Lô được ly hôn.

Lời khai của nguyên đơn về tình trạng hôn nhân là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Có căn cứ để xác định vợ chồng chị T và anh Y B M Lô không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là phải yêu thương, tôn trọng và chung sống cùng nhau theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Y B M Lô đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị T về việc xin ly hôn anh Y B M Lô là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Y B M Lô có 01 con chung là Vũ Thành Đ, sinh ngày 23/12/2015, cháu Đ đề nghị được ở với mẹ, chị T đề nghị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Y B M Lô đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy con chung của chị T và anh Y B M Lô là cháu Đ có nguyện vọng được giao cho chị T nuôi dưỡng, chị T nhất trí. Qua xác minh tại địa phương anh

Y B M Lô không có mặt tại địa phương, chị T vẫn nuôi con từ khi vợ chồng sống ly thân. Để đảm bảo quyền và lợi ích của con trẻ trong việc giao trực tiếp người nuôi dưỡng, cần giao cho chị T nuôi dưỡng cháu Đ là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Chị Vũ Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có liên quan vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Vũ Thị T là người khuyết tật được hưởng trợ cấp từ địa phương nên được miễn tiền án phí theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 2 Điều 146, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị T và anh Y B M Lô được ly hôn.

[2] Về con chung: Về con chung: Giao chị Vũ Thị T nuôi dưỡng con chung là Vũ Thành Đ, sinh ngày 23/12/2015, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Y B M Lô có quyền thăm nom con sau ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của anh Y B M Lô.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Vũ Thị T. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- UBND xã Cao Xá;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Biên